

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày: 30/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Xuân Niên.

2/ Bà Nguyễn Lệ Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kon Plông;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. V (tên gọi khác: Không), sinh năm 1979 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Ng (nay là thôn C), xã R, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Cán bộ công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Ka Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn K (đã chết) và bà Y Th; gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là người con thứ ba; có vợ là Y H và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo V bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 11/6/2020 đến ngày 24/7/2020 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Được thay thế biện pháp Tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh từ ngày 24/7/2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. A Đ (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn A, xã R, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Ka Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A (đã chết) và bà Y D (đã chết); gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là người con thứ hai; có vợ là Y T và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ

nhất sinh năm 2015; tiền sự: Không.

Bị cáo A Đ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/8/2020 đến ngày 09/11/2020 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Được thay thế biện pháp Tạm giam bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú lĩnh từ ngày 09/11/2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3. A M (tên gọi khác: Không), sinh năm 1993 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Ng (nay là thôn C), xã R, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Ka Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Th (đã chết) và bà Y, sinh năm 1960; gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là người con thứ tư; có vợ là Y L và 01 con, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/6/2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

4. A T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1978 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Ng (nay là thôn C), xã R, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Ka Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A D (đã chết) và bà Y Đ (đã chết); gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là người con thứ hai; có vợ là Y Ph, và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo A T bị tạm giam từ ngày 12/8/2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo A M, A T:** Bà Nguyễn Thị Thúy H (Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum), có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: 492 T, phường Q, thành phố K.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T - Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tấn L, chức vụ: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum, có đơn xin xét xử vắng mặt.

(Theo văn bản uỷ quyền số 4685/UBND-NNTN ngày 21/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K;

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn B - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh B; chức vụ: Phó Giám đốc - Theo văn bản uỷ quyền số 257/CV-CT ngày 15/12/2020 của Giám đốc công ty, có mặt.

2/ Anh A S, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Ng (nay là thôn C), xã R, huyện K, tỉnh Kon Tum. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kon Plông trong một vụ án khác, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh A S:

Bà Nguyễn Thị Thúy H (Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum), có mặt.

3/ Anh Đinh Công Nh, sinh năm 1990; nơi công tác: Lâm trường M - Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kon Plông trong một vụ án khác, có mặt.

4/ Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1990; nơi công tác: Lâm trường M - Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K, có mặt.

- **Người làm chứng:** A B, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Ng (nay là thôn C), xã R, huyện K, tỉnh Kon Tum, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người phiên dịch:** Anh A H - Phòng Dân tộc huyện K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2019, do có nhu cầu cần ván gỗ để sửa lại nhà bếp, V đến trạm quản lý, bảo vệ rừng của Lâm trường M thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K gặp Đinh Công Nh là Trạm trưởng. Tại đây, V được Nh hướng dẫn điền thông tin vào Đơn xin xẻ gỗ làm nhà. Sau đó, Nh đưa đơn này cho A B là thôn trưởng ký xác nhận và đồng ý cho V xẻ gỗ trong rừng.

Khoảng 20 giờ ngày 20/11/2019, V gọi điện thoại cho A Đ hẹn đến nhà để bàn bạc công việc. Lúc này, A Đ đang ở nhà A T chơi nên nhận lời của V và rủ A T cùng đi đến nhà V. Tại nhà của V, V đặt vấn đề với Đ và T là muốn Đ và T đi xẻ cho V 140 tấm ván gỗ Giỏi với quy cách là dài 3,3 mét, rộng khoảng 30 cm, dày 03 cm để V sửa nhà, 01 (một) tấm ván đúng quy cách vận chuyển về đến nhà, V sẽ trả 50.000 đồng. Bên cạnh đó, V cũng nói thêm cắt hạ bao nhiêu cây gỗ thì tùy, miễn sao đủ số ván yêu cầu là được. Trường hợp xẻ được hơn 140 tấm ván, nếu đúng quy cách và vận chuyển về đến nhà thì V vẫn sẽ trả tiền 50.000 đồng 01 tấm. A Đ và A T đều đồng ý. Sáng ngày hôm sau, A Đ mang theo 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL 381, A T mang theo 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL 381, kèm theo 02 máy cưa là 02 lam cưa (loại lam 8), sên (xích). Cả hai đến nhà V và lấy 30 lít xăng và thức ăn. Sau đó, cả hai đi bộ lên rừng thuộc khoảnh 6, khoảnh 7 Tiểu khu 387 và khoảnh 4 Tiểu khu 388 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K quản lý, thuộc địa giới hành chính xã R, huyện K, tỉnh Kon Tum. A Đ và A T cùng nhau đi tìm cây gỗ chủng loại Giỏi để cắt hạ. Sau khi tìm được 03 cây gỗ Giỏi ưng ý, A Đ trực tiếp dùng cưa cắt hạ, các cây gỗ này được ký hiệu G02A, G03A, G04A trong Biên bản làm việc lập ngày 24/12/2019. Đến chiều cùng ngày, A Đ dựng lán ở lại rừng, A T đi về làng để tìm người lên rừng phụ xẻ

gỗ. Do đó, A T đến nhà A M và đề cập vấn đề nhờ A M lên rừng phụ xẻ gỗ, A M đồng ý. Sáng hôm sau, A T và A M đến nhà V lấy thêm 30 lít xăng và thức ăn rồi cùng nhau công lên rừng. Vào đến rừng, A Đ trực tiếp cầm cưa để xẻ gỗ, A T và A M phụ lật gỗ, bật mực cho A Đ cắt lóng, xẻ ván phần thân 03 cây đã được A Đ cắt hạ hôm trước. Trong 04 ngày, A Đ, A T và A M xẻ 03 cây gỗ được khoảng hơn 100 tấm ván theo quy cách do V đưa ra. Hôm sau, do A T bị sốt nên ở lại lán nấu cơm, A Đ và A M tiếp tục đi tìm cây gỗ Giỏi để cắt hạ, xẻ ván. A Đ và A M tìm được 01 cây gỗ chủng loại Giỏi, chính là cây có ký hiệu G07A trong Biên bản làm việc lập ngày 24/12/2019, A Đ dùng cưa cắt hạ, A M phụ cưa. Tuy nhiên, khi thấy cây gỗ này bị bông nên A Đ, A M không xẻ được ván. Những ngày sau đó, do bị sốt nặng nên A T đi về làng, A Đ và A M tiếp tục đi tìm cây để cắt hạ, xẻ lấy ván gỗ. A Đ và A M tìm được 02 cây gỗ chủng loại Giỏi, chính là các cây được ký hiệu G05A và G06A thể hiện trong Biên bản làm việc lập ngày 24/12/2019, A Đ là người trực tiếp cầm cưa cắt hạ, bổ lóng, xẻ ván phần thân 02 cây này, A M phụ lật gỗ, bật mực. Hai cây gỗ này xẻ được khoảng 100 tấm ván theo kích thước mà V đưa ra. Thấy còn gỗ nên A Đ hỏi A M là lấy tiền công hay lấy gỗ, A M vì cũng muốn có gỗ để làm nhà nên đề nghị A Đ xẻ cho 01 bộ khung nhà thay cho tiền công. Do đó, A Đ xẻ phần gỗ còn lại được 08 cây đà và 06 cây cột. Sau đó, hai người đi về làng. Toàn bộ số gỗ đã xẻ vẫn ở tại rừng. Đến ngày 10/12/2019, tổ công tác liên ngành thuộc UBND xã R, huyện K trong khi tuần tra đã phát hiện và lập biên bản đối với vụ việc khai thác gỗ trái phép tại Tiểu khu 387 và 388, trong đó có hành vi khai thác trái phép lâm sản của V, A Đ, A T và A M nêu trên.

Tại hiện trường vụ án, phát hiện 206 tấm ván gỗ có kích thước tương tự nhau, dài 3,3 mét, rộng 25 cm, dày 03 cm, toàn bộ số ván này được A Đ và A M xác nhận là số ván mà A Đ, A M và A T đã cắt xẻ vào tháng 11/2019.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông đã yêu cầu A Đ và A M xác định 06 cây gỗ mà A Đ, A T và A M đã khai thác trái phép. Kết quả cho thấy số lượng, chủng loại, đặc điểm, vị trí các cây gỗ mà các bị cáo cắt hạ, khai thác phù hợp với kết quả điều tra.

Tại Biên bản làm việc ngày 07/01/2020, Bản kết luận giám định ngày 16/01/2020 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Kon Tum, Giám định viên kết luận: Đối với 06 cây gỗ mà A Đ, A T và A M khai thác trái phép đều thuộc chủng loại Giỏi, nhóm III, gỗ thông thường. Về thiệt hại môi trường rừng chỉ mang tính chất định tính nên không xác định được.

Tại Bản kết luận giám định số 140/CNR-VP ngày 30/3/2020 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng, thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam xác định khối lượng gỗ bị thiệt hại của các cây gỗ có ký hiệu G02A, G03A, G04A, G05A và G06A là 17,63 mét khối gỗ tròn.

Đối với cây gỗ có ký hiệu G07A, các đối tượng cắt hạ nhưng chưa lấy được gỗ, khối lượng gỗ còn tại hiện trường là 5,771 mét khối gỗ tròn.

Như vậy, tổng khối lượng gỗ mà các bị cáo khai thác trái phép là 23,401 mét khối gỗ chủng loại Giỏi, nhóm III, nhóm gỗ thông thường, tại khu vực rừng tự nhiên, chức năng sản xuất.

Đối với V là người nảy sinh ý định thuê A Đ, A T khai thác trái phép gỗ, cung cấp xăng, lương thực cho A Đ, A M và A T trong suốt quá trình những người này khai thác gỗ nên V phải chịu trách nhiệm với toàn bộ thiệt hại đã xảy ra.

Đối với A T, chỉ tham gia khai thác các cây gỗ có ký hiệu G02A, G03A, G04A và G07A, có tổng khối lượng là 14,896 mét khối. Ngoài ra, vào khoảng tháng 8/2019, A T cùng A S thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ chủng loại Giỏi, nhóm III tại khoảnh 4 Tiểu khu 388 có khối lượng là 4,307 mét khối gỗ tròn. Như vậy, tổng khối lượng gỗ mà A T khai thác là 19,203 mét khối gỗ tròn, chủng loại Giỏi, nhóm III, gỗ thông thường.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25 ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận 23,401 mét khối gỗ tròn chủng loại Giỏi, nhóm III có giá trị là 412.218.000 đồng. Tại bản Kết luận định giá số 26 ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận đối với 01 cây gỗ có khối lượng 4,307 mét khối gỗ tròn, chủng loại Giỏi, nhóm III do A T và A S khai thác có giá trị 77.526.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 14/CT -VKS ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo V, A Đ, A M về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo A T về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo V từ 30 đến 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giam trước đó (Từ ngày 11/6/2020 đến ngày 24/7/2020).

Xử phạt bị cáo A Đ từ 24 đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giam trước đó (Từ ngày 12/8/2020 đến ngày 09/11/2020).

Xử phạt bị cáo A M từ 24 đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 11/6/2020).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A T từ 18 đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 12/8/2020).

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự. Tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đầy đủ căn cứ, yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đối với số gỗ còn tại hiện trường, trong quá trình điều tra, do điều kiện thời tiết, địa hình phức tạp, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông không tiến hành việc kéo gom, thu giữ vật chứng để bảo quản nên đã bàn giao cho Lâm trường M theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 03/10/2020. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum - là chủ sở hữu để xử lý theo thẩm quyền. Hiện số gỗ trên Chi nhánh Lâm trường M thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K đang bảo quản.

Đối với 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL-MS381 và 01 lam cưa (loại lam 8) do A Đ giao nộp; 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL-MS381 do A T giao nộp đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo A M, A T có ý kiến nhất trí với tội danh và điều luật như Viện kiểm sát đề nghị đối với hai bị cáo, nhưng về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hai bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chủ yếu làm nông, không có thu nhập ổn định, phạm tội vì nhu cầu cuộc sống cho gia đình chứ không phải mục đích kinh doanh, buôn bán; riêng bị cáo A T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có cha mẹ là người có công với cách mạng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo A M 18 tháng tù, A T 15 tháng tù và đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K không có yêu cầu gì, đề nghị hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là A S, Đinh Công Nh, Nguyễn Hoàng N không có ý kiến tranh luận gì.

Tại văn bản đề ngày 24/12/2020, ông Nguyễn Tấn L - đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự trình bày ý kiến về vấn đề bồi thường dân sự có nội dung như sau: Hiện tại không có cơ sở để xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường về lâm sản và môi trường rừng. Trong đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/12/2020, ông L không có ý kiến gì bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn L và ông A B vắng mặt. Xét thấy, ông L và ông B đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L và ông B.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được:

Vào tháng 11/2019, do cần gỗ để sửa nhà, V đã thuê A Đ, A T và A M khai thác gỗ trái phép với số lượng, kích thước do V đặt ra và hứa hẹn sẽ mua theo giá là 50.000 đồng 01 tấm ván gỗ Giỏi nếu đưa về đến nhà, số ván dư ra, nếu đạt theo yêu cầu về kích thước thì V vẫn trả tiền. Do đó, để có số ván gỗ V yêu cầu, A Đ, A T và A M đã đến khoảnh 4, Tiểu khu 388 và khoảnh 6, 7, Tiểu khu 387 thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K quản lý, thuộc địa giới hành chính xã R, huyện K, tỉnh Kon Tum cắt hạ tổng cộng 06 cây gỗ, ký hiệu G02A, G03A, G04A, G05A và G06A, G07A, chủng loại Giỏi, nhóm III, tại khu vực rừng tự nhiên chức năng rừng sản xuất, tổng khối lượng 06 cây gỗ này là 23,401 mét khối gỗ tròn, nhóm gỗ thông thường. Trong đó, A T tham gia khai thác 04 cây gỗ có ký hiệu G02A, G03A, G04A và G07A, có tổng khối lượng là 14,896 mét khối, ngoài ra vào khoảng tháng 8/2019, A T cùng A S thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ chủng loại Giỏi, nhóm III tại Khoảnh 4 Tiểu khu 388 có khối

lượng là 4,307 mét khối gỗ tròn. Như vậy, tổng khối lượng gỗ mà A T khai thác là 19,203 mét khối gỗ tròn, nhóm gỗ thông thường.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của A S, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản làm việc ngày 24/12/2019 đối với A Đ và A M, biên bản làm việc ngày 25/3/2020 đối với A M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi trên của V, A Đ và A M đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự; hành vi của A T đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, khai thác, bảo vệ rừng. Đảng, Nhà nước ta, các ngành, các cấp tỉnh Kon Tum và huyện K đã có nhiều chủ trương, giải pháp, biện pháp để tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, xử lý quyết liệt các trường hợp vi phạm nhưng tình hình khai thác lâm sản trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra ngày càng phức tạp. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rằng việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo có sự trao đổi, thỏa thuận về việc khai thác gỗ, cụ thể V trao đổi với A Đ và A T, A T trao đổi lại với A M; A Đ và A T có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không có sự phân công cụ thể nhiệm vụ từng đồng phạm nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần phải căn cứ vào tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, cụ thể như sau:

Đối với bị cáo V, là người thuê A Đ, A T khai thác gỗ để xẻ thành ván theo số lượng, quy cách do bị cáo đặt ra; cung cấp xăng, lương thực cho A Đ, A T và A M trong suốt quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là đảng viên, có chức vụ cao tại địa phương, là trưởng Ban Chỉ đạo quản lý bảo vệ rừng xã R, là người hiểu biết pháp luật, lẽ ra bị cáo phải tuyên truyền, vận động người dân trong việc bảo vệ rừng nhưng bị cáo lại lợi dụng việc đó để thực hiện hành vi phạm pháp. Do đó, bị cáo là người chủ mưu trong vụ án, phải chịu trách nhiệm về T cả 23,401 mét khối gỗ khai thác và chịu mức hình phạt cao nhất trong 04 bị cáo.

Đối với bị cáo A Đ, là người tiếp nhận ý chí của V, là người rủ rê A T đi cùng, trực tiếp dùng cưa cắt hạ 06 cây gỗ, bổ lóng, xẻ phần thân cây ra thành ván, xẻ gỗ cho A M. Do đó, A Đ có vai trò là người thực hành tích cực nhất trong vụ án, phải chịu trách nhiệm về T cả 23,401 mét khối gỗ khai thác nên chịu mức hình phạt thấp hơn V, cao hơn A M và A T.

Đối với bị cáo A M, là đảng viên, Bí thư Chi bộ của thôn, biết việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng khi được A T đặt vấn đề đi khai thác gỗ bị cáo lại đồng ý ngay. Tuy bị cáo không trực tiếp cầm cưa xẻ gỗ nhưng cùng A T phụ giúp A Đ lặt gỗ, bật mực gỗ để cắt, xẻ 06 cây gỗ nên cũng phải chịu trách nhiệm về T cả 23,401 mét khối gỗ khai thác. Do đó, A M có vai trò vừa là người thực hành, nhưng vai trò thấp hơn A Đ, nên chịu mức hình phạt thấp hơn.

Đối với bị cáo A T, là người được A Đ rủ đến nhà V để trao đổi việc khai thác gỗ, là người rủ rê A M đi cùng. A T có dùng cưa cắt xẻ ván gỗ nhưng không đáng kể, chủ yếu cùng A M phụ giúp cho A Đ cắt, xẻ 03 cây gỗ có ký hiệu G02A, G03A, G04A; ở lán nấu cơm cho A Đ và A M khai thác cây gỗ ký hiệu G07A. 02 cây gỗ ký hiệu G05A, G06A do A Đ và A M khai thác vì A T bị sốt đi về làng không tham gia, nên chỉ chịu trách nhiệm về khối lượng 04 cây gỗ tham gia khai thác là G02A, G03A, G04A và G07A, có khối lượng 14,896 mét khối, do đó A T đóng vai trò vừa là người thực hành, vừa là người giúp sức trong vụ án. Ngoài ra, A T còn tham gia khai thác 01 cây gỗ cùng A S có khối lượng là 4,307 mét khối, chủng loại Giỏi, nhóm III, gỗ thông thường. Như vậy, tổng khối lượng gỗ A T phải chịu trách nhiệm là 19,203 mét khối gỗ tròn, nhóm gỗ thông thường, mức ở khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự, nên hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[4] Về đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- *Về đặc điểm nhân thân:* Các bị cáo có nhân tốt, không có tiền án, tiền sự;
- *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng;
- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo A T, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có cha mẹ là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo A Đ, A T, A M hiểu biết pháp luật còn hạn chế, phạm tội vì nhu cầu cuộc sống cho gia đình, nên hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy, ý kiến của nguyên đơn dân sự về vấn đề bồi thường thiệt hại là phù hợp, việc tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo

thủ tục tố tụng dân sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự, tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số gỗ còn tại hiện trường (Theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 03/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông và Chi nhánh Lâm trường M), gồm:

- 01 lóng gỗ, chủng loại Giỏi có kích thước: dài 3 m, đường kính 60 cm. Bọng toàn bộ.

- 06 hộp gỗ xẻ, chủng loại Giỏi, kích thước 3,3 m, rộng và dày 18 cm. Khối lượng chưa quy tròn là 0,642 m khối.

- 08 hộp gỗ xẻ, chủng loại Giỏi, kích thước dài 4 m, rộng 14 cm, dày 7 cm. Khối lượng chưa quy tròn là 0,314 m khối.

- 01 lóng gỗ, chủng loại Giỏi, chiều dài 3,2 m, đường kính 85 cm. Khối lượng gỗ đã trừ bọng là 1,589 m khối.

- 01 lóng gỗ, chủng loại Giỏi, chiều dài 3,2 m, đường kính 80 cm. Khối lượng gỗ đã trừ bọng là 1,507 m khối.

- 01 lóng gỗ, chủng loại Giỏi, chiều dài 3,2 m, đường kính 75 cm. Khối lượng gỗ đã trừ bọng là 1,356 m khối.

- 01 lóng gỗ, chủng loại Giỏi, chiều dài 3,5 m, đường kính 70 cm. Khối lượng gỗ đã trừ bọng là 1,319 m khối.

- 69 tấm ván, chủng loại Giỏi, kích thước dài 3,2 m, rộng 25 cm, dày 3 cm. Khối lượng chưa quy tròn là 1,656 m khối.

- 137 tấm ván kích thước dài 3,3 m, rộng 25 cm, dày 3 cm. Khối lượng chưa quy tròn là 3,391 m khối.

Trong quá trình điều tra, do các điều kiện khách quan về thời tiết, địa hình hiểm trở nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể thu giữ về để bảo quản nên đã bàn giao lại cho Chi nhánh Lâm trường M bảo quản. Xét thấy, số vật chứng trên là tài sản thuộc sở hữu nhà nước mà UBND tỉnh Kon Tum là đại diện chủ sở hữu hợp pháp. Việc giao lại cho chủ sở hữu không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và thi hành án, nên Hội đồng xét xử giao cho chủ sở hữu là UBND tỉnh Kon Tum (Nguyên đơn dân sự trong vụ án) số vật chứng trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL-MS381 và 01 lam cưa (loại lam 8) do A Đ giao nộp; 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL-MS381 do A T giao nộp, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông đang quản lý. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Đối với A S là người cùng A T khai thác 01 cây gỗ có khối lượng 4,307 mét khối, chủng loại Giỏi, nhóm III, ngoài ra A S còn tự mình khai thác 05 cây gỗ khác, chủng loại Giỏi, nhóm III, khối lượng 8,343 mét khối, tổng khối lượng

gỗ A S khai thác trái phép là 12,650 mét khối nhóm gỗ thông thường. Tòa án nhân dân huyện Kon Plông đã xét xử hành vi trên của A S trong vụ án khác, nên không xem xét trong vụ án này.

[8] Đối với Đinh Công Nh, là Trạm trưởng trạm quản lý, bảo vệ rừng thôn C, xã R, thuộc Chi nhánh Lâm trường M. Nh nhận thức rõ việc cho người dân khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn hướng dẫn cho người dân điền thông tin vào đơn, sau đó nhận đơn và cho phép bằng miệng người dân khai thác gỗ, trong đó có bị cáo V. Hành vi trên của Đinh Công Nh có dấu hiệu vi phạm pháp luật về công tác quản lý rừng, hiện tại Nh đã bị Cơ quan điều tra khởi tố và bắt tạm giam để điều tra theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Nguyễn Hoàng N, là nhân viên trạm quản lý, bảo vệ rừng thôn C, xã R thuộc Chi nhánh Lâm trường M, Nam có nhận đơn xin làm nhà của V và đưa lại cho Nh, không phải là người cho V khai thác gỗ nên không có cơ sở để xem xét.

[10] Đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K là đơn vị được UBND tỉnh giao quản lý, sử dụng đối với diện tích rừng nói trên, đề nghị công ty phối hợp với các chi nhánh lâm trường, các cơ quan, ban ngành có liên quan, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng để hạn chế, ngăn chặn tình trạng khai thác trái phép lâm sản.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định số 1010/QĐ-TTG ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo V, A Đ, A M, A T phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo V 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giam trước đó (Từ ngày 11/6/2020 đến ngày 24/7/2020).

Xử phạt bị cáo A Đ 26 (Hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giam trước đó (Từ ngày 12/8/2020 đến ngày 09/11/2020).

Xử phạt bị cáo A M 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 11/6/2020). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 12/8/2020). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự, tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đầy đủ căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, giao cho chủ sở hữu là UBND tỉnh Kon Tum (Nguyên đơn dân sự trong vụ án) số vật chứng còn tại hiện trường (Theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 03/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi nhánh Lâm trường M) để xử lý theo quy định của pháp luật, gồm:

- 01 lồng gỗ, chủng loại Giỏi có kích thước: dài 3 m, đường kính 60 cm. Bọng toàn bộ.

- 06 hộp gỗ xẻ, chủng loại Giỏi, kích thước 3,3 m, rộng và dày 18 cm. Khối lượng chưa quy tròn là 0,642 m khối.

- 08 hộp gỗ xẻ, chủng loại Giỏi, kích thước dài 4 m, rộng 14 cm, dày 7 cm. Khối lượng chưa quy tròn là 0,314 m khối.

- 01 lồng gỗ, chủng loại Giỏi, chiều dài 3,2 m, đường kính 85 cm. Khối lượng gỗ đã trừ bọng là 1,589 m khối.

- 01 lồng gỗ, chủng loại Giỏi, chiều dài 3,2 m, đường kính 80 cm. Khối lượng gỗ đã trừ bọng là 1,507 m khối.

- 01 lồng gỗ, chủng loại Giỏi, chiều dài 3,2 m, đường kính 75 cm. Khối lượng gỗ đã trừ bọng là 1,356 m khối.

- 01 lồng gỗ, chủng loại Giỏi, chiều dài 3,5 m, đường kính 70 cm. Khối lượng gỗ đã trừ bọng là 1,319 m khối.

- 69 tấm ván, chủng loại Giỏi, kích thước dài 3,2 m, rộng 25 cm, dày 3 cm. Khối lượng chưa quy tròn là 1,656 m khối.

- 137 tấm ván kích thước dài 3,3 m, rộng 25 cm, dày 3 cm. Khối lượng chưa quy tròn là 3,391 m khối.

Hiện số vật chứng trên Chi nhánh Lâm trường M thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K đang bảo quản.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL-MS381 và 01 lam cưa (loại lam 8) do A Đ giao nộp; 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL-MS381 do A T giao nộp, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông đang quản lý (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông và Chi cục Thi hành án huyện Kon Plông).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon PLông;
- Các bị cáo; người bào chữa;
- Người CQLNVLQ; NĐDS;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Huy